

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

---

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Sư phạm Ngữ văn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Loại hình đào tạo: Chính quy

THANH HOÁ, NĂM 2010

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
(Theo hệ thống tín chỉ)

**Tên chương trình:** Sư phạm Ngữ văn  
**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Sư phạm Ngữ văn  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 794/QĐ-ĐHHD ngày 29 tháng 6 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ, văn học và phương pháp dạy học Ngữ văn; có kỹ năng sư phạm thành thạo đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở các bậc phổ thông và đại học theo yêu cầu đổi mới hiện nay; có khả năng tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao hơn để đáp ứng yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Về phẩm chất**

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững và chấp hành nghiêm túc mọi đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành và nhà trường.

- Có ý thức trách nhiệm cao với sự nghiệp giáo dục, yêu nghề, yêu học sinh; có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

**1.2.2. Về kiến thức**

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học;

- Có kiến thức cơ bản, hệ thống, toàn diện về khoa học Ngữ văn, khoa học giáo dục và khoa học dạy học Ngữ văn; có kiến thức chuyên sâu ở mức độ nhất định để có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn thuộc chuyên ngành: Văn học dân gian, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận ngôn ngữ, Phương pháp dạy học Ngữ văn, Văn hóa học v.v.

**1.2.3. Về kỹ năng**

- Thiết kế được giáo án và tổ chức dạy học Văn học, Tiếng Việt, Làm văn ở các cấp phổ thông; thiết kế và giảng dạy về ngôn ngữ, văn học ở bậc đại học, cao đẳng;



- Viết được các bài nghiên cứu, phê bình về ngôn ngữ, văn học, văn hoá trên báo chí,

- Biên tập sách báo, làm công tác văn phòng,

- Sử dụng tư duy phê phán, tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành học;

- Làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình tốt,

- Có trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 400 TOEIC.

- Thích ứng nhanh, có khả năng tìm kiếm và tự tạo việc làm.

1.2.4. Khả năng công tác: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể công tác tại:

- Dạy Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn tại các trường THPT và THCS; giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp có đào tạo về ngành văn học, ngôn ngữ.

- Làm công tác biên tập, xuất bản, phóng viên tại các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thanh truyền hình,

- Làm việc tại các cơ quan quản lý văn hoá, cơ quan hành chính...

- Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ.

1.2.5. Về sức khoẻ: Người học được rèn luyện về thể lực, chăm lo về tinh thần trong quá trình đào tạo để có đủ sức khoẻ, nghị lực, ý chí sẵn sàng thích ứng với cuộc sống lao động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập nền kinh tế toàn cầu.

**2. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 132 tín chỉ (không tính phần nội dung về Giáo dục thể chất 75 tiết và Giáo dục Quốc phòng 165 tiết)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Thực hiện theo Quy chế của Bộ GD&ĐT.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy, theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm:** Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT

**7. Nội dung chương trình**

**7.1 Kiến thức Giáo dục đại cương:**

7.1.1. Lý luận chính trị

51 tc

10 tc

7.1.2. Ngoại ngữ

7 tc

7.1.5. Giáo dục thể chất

75 tiết

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

165 tiết

7.1.3. Tin học, Công nghệ

2 tc

7.1.4. Khoa học xã hội & nhân văn

32 tc

- Bắt buộc

20 tc

- Tự chọn	12 tc
<b>7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>81 tc</b>
- Bắt buộc	71 tc
- Tự chọn	10 tc
7.2.1. Kiến thức ngành, chuyên ngành	68 tc
7.2.3. Kiến tập, thực tập sư phạm	7 tc
7.2.4. Khoá luận/Học phần thay thế KLTN	6 tc

## 8. Kế hoạch dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>51</b>							
<b>I</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>10</b>							
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	18		90	1	Nguyên lý	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	26		135	1	2	Nguyên lý
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	2	3	Tư tưởng và pháp luật
4		Đường lối CM của Đảng cộng sản VN	3	32	26		135	3	4	Đường lối
<b>II</b>		<b>Ngoại ngữ</b>	<b>7</b>							
5		Tiếng Anh 1	4	36	48		180		3	Ngoại ngữ
6		Tiếng Anh 2	3	27	36		135	5	4	Ngoại ngữ
<b>III</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>75t</b>							GDTC
<b>IV</b>		<b>Giáo dục QP</b>	<b>165t</b>							TTGDQP
<b>V</b>		<b>Tin học, công nghệ</b>	<b>2</b>							
7		Tin học	2	10		40	90		1	Tin học ứng dụng
<b>VI</b>		<b>Khoa học xã hội và Nhân văn</b>	<b>32</b>							
8		Phương pháp nghiên cứu KH	2	18	24		90		2	NN&PPDHNV
9		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	24		90		1	LLVH& VHNN
10		Tâm lý học	4	36	48		180		2	Tâm lý
11		Giáo dục học	4	36	48		180		3	Giáo dục
12		Lôgic học đại cương	2	18	24		90		2	Tư tưởng và pháp luật
13		Thực hành văn bản tiếng Việt	2	18	24		90		2	NN& PPDHNV
14		Quản lý Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	18	24		90		8	NN& PPDHNV
15		Dẫn luận ngôn ngữ học	2	18	24		90		2	NN&PPDHNV
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
16		Âm nhạc đại cương	2	18		24	90		2	Âm nhạc
		Thường thức mỹ thuật	2	18		24	90		2	Mĩ thuật
		<i>Chọn 5 trong 9 học phần</i>								
17-21		Kỹ năng giao tiếp	2	18	24		90		1	NN& PPDHNV
		Văn học và các loại hình nghệ thuật	2	18	24		90		1	LLVH& VHNN
		Ngôn ngữ và văn hoá	2	18	24		90		1	NN& PPDHNV
		Văn học và mỹ học	2	18	24		90		1	LLVH& VHNN
		Lịch sử tư tưởng phương Đông, Việt Nam và văn học							1	LLVH& VHNN



	Tổng quan di sản văn hoá thế giới	2	18	24	90		1	VHVN
	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	2	18	24	90		1	LLVH & VHNN
	Thống kê xã hội học	2	18	24	90		1	Toán ứng dụng
	Môi trường và con người	2	18	24	90		1	Địa lý
<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>81</b>						
<b>I</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>	<b>68</b>						
22	Nguyên lý lý luận văn học	2	18	24	90		5	LLVH & VHNN
23	Tác phẩm văn học và Loại thể văn học	3	27	36	135	22	6	LLVH & VHNN
24	Văn học dân gian Việt Nam	3	27	36	135		3	VHVN
25	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	4	36	48	180	24	4	VHVN
26	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	3	27	36	135	25	4	VHVN
27	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	4	36	48	180	26	6	VHVN
28	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	4	36	48	180	27	6	VHVN
29	Văn học Trung Quốc	2	18	24	90		3	LLVH & VHNN
30	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	2	18	24	90		5	LLVH & VHNN
31	Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỷ XVII	2	18	24	90		5	LLVH & VHNN
32	Văn học phương Tây từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX	3	27	36	135	31	5	LLVH & VHNN
33	Văn học Nga	2	18	24	90		6	LLVH & VHNN
34	Ngữ âm học tiếng Việt	2	18	24	90	15	3	NN & PPDHNV
35	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	2	18	24	90	34	4	NN & PPDHNV
36	Ngữ pháp học tiếng Việt	3	27	36	135	35	4	NN & PPDHNV
37	Phong cách học tiếng Việt	2	18	24	90	36	5	NN & PPDHNV
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
38	Ngữ dụng học	2	18	24	90	37	5	NN & PPDHNV
	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	18	24	90	15	5	NN & PPDHNV
39	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc	2	18	24	90		3	VHVN
40	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	18	24	90	39	4	VHVN
41	Phương pháp dạy học Văn 1	2	18	24	90	11	6	NN & PPDHNV
42	Phương pháp dạy học Văn 2	3	27	36	135	41	7	NN & PPDHNV
43	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	3	27	36	135	11	7	NN & PPDHNV
44	Phương pháp dạy học Làm văn	3	27	36	135	11	7	NN & PPDHNV
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
45	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	2	18	24	90	28	7	VHVN
	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2	18	24	90	28	7	VHVN
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
46	Tiến trình văn học	2	18	24	90	23	7	LLVH & VHNN
	Thi pháp học hiện đại	2	18	24	90	23	7	LLVH & VHNN
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
47	Thi pháp thơ Đường	2	18	24	90	29	7	LLVH & VHNN
	Thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa	2	18	24	90	29	7	LLVH & VHNN
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		<b>2</b>					
48	Làm văn	2	18	24	90		7	NN & PPDHNV
	Lý thuyết văn bản	2	18	24	90	38	7	NN & PPDHNV

III	Kiến tập và thực tập sư phạm	7						
49	Kiến tập sư phạm	2			60		6	
50	Thực tập sư phạm	5			150		8	
IV	<b>Khoá luận hoặc học phần thay thế</b>	<b>6</b>						
51	Khoá luận TN	6					8	
<i>Chọn 3 trong 6 học phần</i>								
	Nho giáo và văn học dân tộc	2	18	24		90	8	VHVN
	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	2	18	24		90	8	VHVN
	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây thời Phục Hưng	2	18	24		90	8	LLVH & VHNN
	Ngôn ngữ địa phương	2	18	24		90	8	NN&PPDHNV
	Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông	2	18	24		90	8	NN&PPDHNV
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông	2	18	24		90	8	NN&PPDHNV
	<b>Tổng</b>	<b>132</b>						

## 9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

### 9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 /The Basic Principles of Lenin - Maxism 1 2 TC (21,18,0)

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QQĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-lênin, Tư tưởng Hồ Chí minh

### 9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2/ The Basic Principles of Lenin - Maxism 2 3 TC (32,26,0)

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê- Nin 1

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QQĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

### 9.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's ideology 2 TC(21,18,0)

*Điều kiện tiên quyết :* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê- Nin 2

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QQĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

### 9.4. Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam/The Revolutionary Policy of Vietnamese Communist 3 TC (32, 26, 0)

*Điều kiện tiên quyết:* Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QQĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính



trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-lênin.  
Tu tưởng Hồ Chí Minh

**9.5.-9.6. Tiếng Anh 1, 2/English 1, 2**

**7 TC (63, 72, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản học theo giáo trình Liefelines; trong học phần này sinh viên sẽ được rèn luyện cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu.

**Giáo dục thể chất /Physical Education**

**75 tiết**

Nội dung thực hiện theo quyết định số 3244/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Giáo dục quốc phòng/ Military Education**

**165 tiết**

Nội dung thực hiện theo quyết định số 81/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục quốc phòng an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

**9.7. Tin học /Informatics**

**2 TC (10,0,40)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử; khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng; sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

**9.8. Phương pháp nghiên cứu khoa học /Methodology of Scientific Research**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

**9.9. Cơ sở văn hoá Việt Nam /Basic of Vietnamese Culture 2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức chung về văn hóa và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn cho SV kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.

**9.10. Tâm lý học/ Psychology**

**4 TC (36, 48, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không.

Nội dung môn học bao gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương; Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm. Tâm lý học đại cương trình bày khái quát về hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất của các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác

động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người. Tâm lý học lứa tuổi mô tả khái quát về đặc điểm các giai đoạn phát triển của cá nhân từ sơ sinh đến trưởng thành. Tâm lý học sư phạm trình bày những cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em.

**9.11. Giáo dục học/ Pedagogy**

**4 TC (36, 48, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học.

Nội dung môn học bao gồm: Lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận về giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.

**9.12. Logic học đại cương /General Logics**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản của logic học hình thức, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học; các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học hình thức; các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách khoa học; bản chất, đặc biệt và quan hệ của các khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng, từ đó vận dụng các quy luật logic trong tư duy, tránh sai lầm thường gặp trong suy nghĩ và trình bày vấn đề.

**9.13. Thực hành văn bản Tiếng Việt/Vietnamese Language in Scientific Text in Practice**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thực hành văn bản tiếng Việt trên hai phương diện tiếp nhận và tạo lập ở các cấp độ: từ, câu, đoạn văn và văn bản. Học phần còn giúp người học rèn kỹ năng phân tích và tạo lập các loại văn bản tiếng Việt.

**9.14. Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo/Administration and education management**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**9.15. Dẫn luận Ngôn ngữ học/Introduction to Linguistics**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, bản thể của ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ ngôn ngữ - tư duy, về hệ thống và các cấp độ, đơn vị của ngôn ngữ; những tri thức căn bản, mở đầu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa của ngôn ngữ và trong một chừng mực nhất định, một số vấn đề về ngữ dụng; những thao tác làm việc cần thiết để sinh viên nhận thức được rõ hơn, thực hành tốt hơn về những vấn đề nói trên.

**9.16. Chọn 1 trong 2 học phần**

**a) Âm nhạc/Musical education**

**2 TC (18,0, 24)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không



\* **Nhạc lý cơ bản:** Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhạc lý: cao độ, trường độ của âm thanh, nhịp, phách, dấu hoá, hoá biểu, cấu tạo cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm và các ký hiệu âm nhạc khác.

\* **Xướng âm:** Giới thiệu và thực hành tập đọc các bản nhạc từ không có dấu hoá đến một dấu hoá thăng và giáng với các loại nhịp đơn, nhịp kép, nhịp phức, kết hợp đọc với các loại tiết tấu cơ bản: nốt tròn, nốt trắng, nốt đen, nốt móc đơn, nốt móc kép, chùm ba, đảo phách, nghịch phách... ứng dụng đọc xướng âm các bài hát ca khúc và dân ca.

**b) Thường thức mỹ thuật/Arts education**

**2TC (18, 0, 24)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về sự phát triển của Mỹ thuật Việt Nam và thế giới: nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật hội họa và nghệ thuật trang trí gốm. Bồi dưỡng và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ, năng lực cảm thụ cái đẹp trong mỹ thuật.

**9.17-9.21. Chọn 5 trong 9 học phần**

**a) Kỹ năng giao tiếp/Communicative skills**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không.

Học phần nghiên cứu những vấn đề chung về giao tiếp giữa người với người bao gồm quá trình giao tiếp, các thành tố của quá trình giao tiếp, yếu tố ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp, phong cách giao tiếp và những vấn đề có liên quan đến đặc điểm văn hoá giao tiếp của các cộng đồng quốc gia, dân tộc và Việt Nam; các nguyên tắc, kỹ năng, các hoạt động giao tiếp, các khó khăn trong giao tiếp và cách khắc phục chúng; giúp SV phân tích, liên hệ, vận dụng vào hoạt động giao tiếp của bản thân và hoạt động nghề nghiệp sau này.

**b) Văn học và các loại hình nghệ thuật/Literature and Other Art Forms**

**2 TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần giúp người học nghiên cứu nhận diện đặc trưng về loại hình, về sáng tác, tiếp nhận của các loại hình nghệ thuật, thấy được sự giao thoa giữa văn học và âm nhạc, hội họa, điêu khắc, kiến trúc,... Từ đó giúp người học biết vận dụng những kiến thức về các loại hình nghệ thuật nói chung để thưởng thức, nghiên cứu, phê bình và giảng dạy tác phẩm văn chương.

**c) Ngôn ngữ và văn hoá/Linguistics and Culture**

**2 TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Dẫn luận ngôn ngữ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về ngôn ngữ và văn hóa: khái quát chung về ngôn ngữ (khái niệm, chức năng, bản chất, cơ cấu tổ chức của ngôn ngữ); khái quát chung về văn hóa (khái niệm, đặc trưng của văn hóa, các thành tố văn hóa); quan hệ giữa ngôn ngữ - văn hóa và đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ

**d) Văn học và mỹ học/Literature and Aesthetics**

**2 TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản của khoa học thẩm mỹ, mối quan hệ giữa văn học và mỹ học, từ đó giúp người học có ý thức và kỹ năng sống, sáng tạo theo

quy luật của cái đẹp; rèn cho SV các kỹ năng vận dụng những khái niệm đã học vào việc thưởng thức, nghiên cứu, phê bình cũng như giảng dạy các tác phẩm văn chương trong nhà trường, đồng thời biết thông qua văn chương để giáo dục cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, lí tưởng thẩm mỹ lành mạnh tốt đẹp cho học sinh.

**e) Lịch sử tư tưởng Phương Đông, Việt Nam và văn học/History of Oriental and Vietnamese Thought and Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần trình bày khái quát tiến trình lịch sử xã hội, lịch sử tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ từ cổ đại đến hiện đại; sự xuất hiện và ảnh hưởng của các tôn giáo, các học thuyết, các hệ tư tưởng đối với đời sống xã hội Trung Quốc, Ấn Độ, các nước trong khu vực và trên thế giới. Học phần cũng giới thiệu khái quát tiến trình lịch sử xã hội, lịch sử tư tưởng Việt Nam; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho - Phật - Đạo, các luồng tư tưởng Phương Tây, vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam trong đời sống văn hoá, xã hội, đặc biệt là trong văn học Việt Nam. Học phần đồng thời rèn cho SV kỹ năng vận dụng kiến thức lịch sử tư tưởng vào việc phân tích, giải thích, nhận định, đánh giá tác phẩm và tiến trình văn học Việt Nam, Trung Quốc và châu Á.

**g) Tổng quan di sản văn hóa thế giới /Overview of Cultural Heritage of the World** **2 TC (18,24,0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về sự tồn tại, những giá trị về mặt văn minh và tình trạng bảo tồn các di sản văn hóa thế giới nổi tiếng bao gồm di sản vật thể và di sản phi vật thể. Học phần này khái quát toàn bộ những di sản thế giới nổi tiếng cũng như vấn đề bảo tồn và khai thác giá trị của các di sản.

**h) Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam/Belief and Religion in Vietnam**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Cung cấp những kiến thức cơ bản lý luận về tín ngưỡng và tôn giáo: đối tượng, phương pháp nghiên cứu về tín ngưỡng và tôn giáo; Các hình thức tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam; Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tôn giáo.

**i) Thống kê xã hội học/Social Statistics**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần này nhằm cung cấp cho SV một số kiến thức cơ bản của lý thuyết thống kê ứng dụng trong nghiên cứu Xã hội học như : các thang đo trong xã hội học, mẫu ngẫu nhiên đơn giản và các bài toán xác định cỡ mẫu tối thiểu, quan hệ giữa hai biến định lượng, quan hệ giữa hai biến định tính và các độ đo sự liên thuộc, một số phương pháp thống kê trong Xã hội học.

**k) Môi trường và con người/ Environment and human**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường, các chức năng, thành phần của môi trường, các nguyên lý chủ yếu về sinh thái - môi trường.



Học phần cũng đề cập một cách hệ thống hiện trạng về dân số và mối quan hệ hữu cơ giữa dân số với tài nguyên thiên nhiên, nhu cầu về lương thực thực phẩm và ô nhiễm môi trường; hiện trạng môi trường ở Việt Nam; trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, công cụ để quản lý môi trường, kỹ năng xác lập chương trình hành động trong bảo vệ tài nguyên môi trường.

**9.22. Nguyên lý lý luận văn học/Principles of Theory of Literature 2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức tổng quát, cơ bản về lý luận văn học (đặc trưng của văn học, quan hệ của văn học với thực hiện, chức năng và tính khuynh hướng của văn học, quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học...); các nguyên lý tổng quát và nội hàm các khái niệm của lý luận văn học (tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, điển hình hoá,...); rèn kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận văn học vào phân tích, đánh giá các tác phẩm, hiện tượng văn học cụ thể, kỹ năng phát hiện các vấn đề trong đời sống văn học.

**9.23. Tác phẩm văn học và Loại thể văn học / Literary Work and Genre**

**3 TC (27, 36, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý lý luận văn học

Cung cấp những kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành, đặc trưng các thể loại văn học, quan niệm về thể loại qua những thời đại khác nhau. Đồng thời học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản những chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự. Những kiến thức lý luận nói trên là chìa khoá để sinh viên có thể phân tích, giải mã tác phẩm một cách thuyết phục.

**9.24. Văn học dân gian Việt Nam/Vietnamese Folk Literature 3 TC (18, 24, 45)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hóa, những đặc trưng và giá trị cơ bản của văn học dân gian; các thể loại chủ yếu, các vùng và các thời kỳ phát triển của văn học dân gian Việt Nam; rèn kỹ năng tiếp cận và phân tích các tác phẩm văn học dân gian.

**9.25. Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII /Vietnamese Literature from the 10<sup>th</sup> to the midle 18<sup>th</sup> Century 4 TC (36, 48, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học dân gian Việt Nam

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam: các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các hiện tượng văn học, sự kiện văn học, các tác giả tiêu biểu của văn học Lý - Trần, văn học thế kỷ XV, văn học thế kỷ XVI, thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỉ XVIII; rèn luyện cho SV kỹ năng tiếp cận và phân tích một hiện tượng, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

**9.26. Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX/Vietnamese Literature from the later 18<sup>th</sup> to the 19<sup>th</sup> Century 3 TC (27, 36, 0)**



*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX với hai thời kỳ phát triển chính: từ giữa thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX và từ giữa đến cuối thế kỉ XIX. Nội dung nghiên cứu bao gồm trào lưu chủ nghĩa nhân đạo; những kiến thức cơ bản về những thành tựu lớn ở cả sáng tác chữ Hán và Nôm; những thành tựu rực rỡ của văn học viết bằng chữ Nôm bao gồm các thể loại truyện thơ, ngâm khúc, hát nói; sự khủng hoảng của văn học nhà Nho và sự xuất hiện tiên báo quá trình hiện đại hoá văn học nửa cuối thế kỉ XIX; nghiên cứu đặc điểm, thành tựu sáng tác của những tác giả tiêu biểu; tiếp tục rèn luyện cho SV kỹ năng tiếp cận và phân tích các hiện tượng, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

**9.27. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945/Vietnamese Literature from the early 20<sup>th</sup> Century to 1945** **4 TC (36, 48, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945: Những đặc điểm và quy luật của tiến trình văn học, những xu hướng và hiện tượng văn học chủ yếu, những thể loại chính, những thành tựu và hạn chế, những tác gia tiêu biểu; những tri thức về sự phát triển của tiếng Việt và sự đóng góp to lớn của chữ quốc ngữ đối với nền văn học hiện đại Việt Nam; rèn luyện các kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam.

**9.28. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay/Vietnamese Literature from 1945 to now** **4 TC (36, 48, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ 1945 đến cuối thế kỉ XX: Những đặc điểm và quy luật của tiến trình văn học, những thể loại chính, những thành tựu và hạn chế, những tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 và văn học thời kỳ đổi mới; tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam.

**9.29. Văn học Trung Quốc/Chinese Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại trên các phương tiện đặc trưng thể loại, các mô típ nhân vật, những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam; rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Trung Quốc.

**9.30. Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á/Indian, Japanese, Southeast Asia Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Văn học Ấn Độ: Giới thiệu khái quát lược sử văn học Ấn Độ từ khởi thủy đến 1950; những đóng góp nổi bật của văn học Ấn Độ cho văn hoá, văn học thế giới, tìm hiểu sử thi Ấn Độ (*Ramayana và Mahabharata*), tác giả Rabindrannath Tagore.

Văn học Nhật Bản: Giới thiệu khái quát lược sử văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868; các hiện tượng văn học nổi bật như Masuô Basô, thơ Haiku, Yasunari Kaoabata.



Văn học Đông Nam Á: Giới thiệu khái quát chung về văn hoá Đông Nam Á, văn học dân gian Đông Nam Á, văn hoá viết Đông Nam Á; một số nền văn học tiêu biểu ở Đông Nam Á như Thái Lan, Indônêxia, Cămpuchia, Malaixia.

**9.31. Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII/ Western Literature From Ancient Times to the 17<sup>th</sup> Century** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, khái quát về đặc điểm, tiến trình của văn học phương Tây trên các phương diện trào lưu, thể loại, những đóng góp về nội dung và nghệ thuật; tập trung đi sâu vào sáng tác của những tác gia, tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Hy Lạp cổ đại gồm anh hùng ca của Hôme, thần thoại Hy Lạp, văn học một số nước phương Tây thời Phục hưng gồm tiểu thuyết của Xecvantec, bi kịch của Sêcxpia, văn học Pháp với thể loại bi kịch cổ đại (ba đại diện tiêu biểu như Etsin, Xôphôclơ, Ôripit), bi kịch cổ điển Pháp (tập trung ở tác giả Coocnây) và hài kịch của Môlie; rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Phương Tây cho SV.

**9.32. Văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XX/Western Literature From 18<sup>th</sup> to the 20<sup>th</sup> Century** **3 TC (27, 36, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, khái quát về đặc điểm, tiến trình của văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XX trên các phương diện trào lưu, thể loại, tập trung vào sáng tác của những tác gia, tác phẩm tiêu biểu. Thế kỉ XVIII - XIX, đặc biệt tập trung tìm hiểu nền văn học Đức với tác gia tiêu biểu như Sile và Got, nền văn học Pháp với những tác gia tiêu biểu như Banzăc, Huygô; văn học Anh với tác gia Điphô, Mac Tuên... Thế kỉ XX, tập trung tìm hiểu các tác gia tiêu biểu như Kapka, Brêcht, Aragông, Iônexcô, Hêminguây... cùng một số vấn đề thời sự văn học khi giảng dạy tới các tác gia, tác phẩm có liên quan; tiếp tục rèn cho SV kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học phương Tây.

**9.33. Văn học Nga/ Russian Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản đặc điểm, tiến trình văn học Nga từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX trên các phương diện hệ vấn đề, các môtip nhận vật, những khuynh hướng phong cách thể loại của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng qua lại của văn học Nga đối với văn học Việt Nam; rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Nga.

**9.34. Ngữ âm học tiếng Việt/Vietnamese Phonetics** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Dẫn luận ngôn ngữ học

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về ngữ âm tiếng Việt như: âm tiết và đặc điểm của âm tiết tiếng Việt; hệ thống âm vị tiếng Việt; hệ thống phụ âm đầu, hệ thống âm đệm, hệ thống âm chính, hệ thống âm cuối, hệ thống thanh điệu; lịch sử phát sinh phát triển và đặc điểm của chữ viết tiếng Việt, các quy tắc chính tả chữ Việt; rèn kỹ năng cấu tạo và phân tích cấu trúc âm tiết tiếng Việt, miêu tả và xác định âm vị tiếng Việt cũng như kỹ năng nhận diện và vận dụng các quy tắc chính tả chữ Việt

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ sở về Hán văn như các nguyên tắc cấu tạo hệ thống văn tự biểu ý của người Hán, các quy tắc cú pháp, các hư từ quan trọng và vốn chữ Hán thường dùng; khái niệm chung, những tri thức thông thường về thể loại Hán văn và những tri thức văn hóa có liên quan để có thể lý giải được một số văn bản Hán văn Trung Quốc và Việt Nam.

**9.40. Văn bản Hán Nôm Việt Nam/Vietnamese Chinese Text 2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn bản Hán văn Trung Quốc

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về một nền văn tự cổ của Việt Nam đã từng được sử dụng để ghi chép về văn hóa và văn chương Việt Nam trong lịch sử: điều kiện ra đời và quá trình phát triển của chữ Nôm, đặc điểm loại hình văn tự khối vuông biểu ý, tính chất ghi âm đặc biệt của chữ Nôm, cấu trúc của chữ Nôm và cách đọc; phân biệt các cách đọc âm khác nhau trong chữ Nôm (Tiền Hán Việt, Hán Việt, Hán Việt Việt hóa, đọc chỉnh âm), kỹ năng phân tích các kiểu mô thức cấu trúc của chữ Nôm (chữ đơn hay vay mượn, chữ ghép hay sáng tạo, các tiểu loại chữ Nôm...).

**9.41. Phương pháp dạy học Văn 1/Methodology of Literary Teaching at Secondary and High Schools 1 2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Văn học, Lí luận văn học, Giáo dục học

Học phần mô tả và giải thích những vấn đề cơ bản về vai trò, đặc trưng, nhiệm vụ của phân môn Văn; cơ chế dạy học Văn, cấu trúc chương trình, SGK phân Văn bậc THCS và THPT; các nguyên tắc, phương pháp chung trong dạy học Văn theo hướng phát huy chủ thể sáng tạo của bạn đọc - học sinh; rèn luyện cho SV kỹ năng vận dụng lí luận vào việc giải quyết những tình huống sư phạm đặt ra từ thực tế dạy học Văn, kỹ năng thực hành vận dụng lí luận vào việc thiết kế giáo án, dự giờ, tổ chức tiến trình dạy học một giờ Văn ở nhà trường phổ thông.

**9.42. Phương pháp dạy học Văn 2/Methodology of Literary Teaching at Secondary and High Schools 2 3 TC (27, 36, 43)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp dạy học Văn 1

Học phần nghiên cứu khái quát các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Văn ở nhà trường phổ thông theo đặc trưng loại thể bao gồm: phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản (trữ tình, tự sự, kịch, nghị luận, nhật dụng); phương pháp dạy học văn học sử, lí luận văn học và ngoại khoá văn học; các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học Văn của học sinh; tiếp tục rèn luyện cho SV kỹ năng thiết kế giáo án, thực hành tổ chức dạy học một giờ Văn ở nhà trường phổ thông.

**9.43. Phương pháp dạy học Tiếng Việt/Methodology of Vietnamese Teaching at Secondary and High School 3 TC (27, 36, 43)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Ngôn ngữ và tiếng Việt, Giáo dục học

Học phần nghiên cứu khái quát đặc trưng, nhiệm vụ của phân môn tiếng Việt; cấu trúc chương trình, SGK phần tiếng Việt bậc THCS và THPT; các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông; phương pháp dạy học các hợp phần từ ngữ, ngữ pháp, phong cách, dụng học; rèn luyện cho SV



kĩ năng thiết kế giáo án, thực hành tổ chức dạy học một giờ tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

**9.44. Phương pháp dạy học Tập làm văn/Methodology of Teaching of Composition at Secondary and High School** **3 TC (27, 36, 43)**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Văn học, tiếng Việt, Giáo dục học

Học phần nghiên cứu khái quát đặc trưng, nhiệm vụ của phân môn Làm văn; cấu trúc chương trình, SGK phần tiếng Làm văn bậc THCS và THPT; các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Làm văn ở nhà trường phổ thông; phương pháp dạy học các kĩ năng nói và kĩ năng tạo lập sáu kiểu văn bản; rèn luyện cho SV kĩ năng thiết kế giáo án, thực hành tổ chức dạy học một giờ Tập làm văn ở nhà trường phổ thông.

**9.45. Chọn 1 trong 2 học phần**

**a) Hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam / System of range of Vietnamese middle Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học trung đại Việt Nam

Học phần nghiên cứu nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng của một số thể loại văn học tiêu biểu gắn với những tác giả, tác phẩm lớn của các giai đoạn trong lịch sử phát triển của văn học trung đại nhằm góp phần làm sáng tỏ tiến trình văn học Trung đại Việt Nam, đồng thời cung cấp kiến thức chuyên sâu về một giai đoạn văn học quan trọng cho SV để có thể giảng dạy tốt các tác phẩm văn học Trung đại Việt Nam trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

**b) Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại/Vietnamese Modern Novels** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học hiện đại Việt Nam

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại (từ đầu thế kỷ XX đến nay), bao gồm: quá trình hình thành, các chặng vận động, những đặc điểm và thành tựu nổi bật của mỗi chặng. Qua đó, giúp SV nắm được những tri thức cơ bản về một trong những thể loại quan trọng nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại để SV có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu.

**9.46. Chọn 1 trong 2 học phần**

**a) Tiến trình văn học/Process of Literature** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tác phẩm văn học và Loại thể văn học

Cung cấp những kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở cho việc tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử.

Học phần cũng giúp SV hình thành kỹ năng nhìn nhận văn học trong sự vận động và trong các mối quan hệ biện chứng; bước đầu biết liên hệ, phân tích các mối quan hệ của văn học trong tiến trình lịch sử.

**b) Thi pháp học hiện đại /Modern Poetics** **2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Tác phẩm văn học và Loại thể văn học

Học phần nghiên cứu sâu về một hướng tiếp cận cơ bản, quan trọng đối với tác phẩm văn học - hướng tiếp cận bản thể luận văn học, bao gồm toàn bộ lí thuyết về cách nhìn, cách cảm, cách mô tả thế giới của nhà nghệ sĩ được biểu hiện thông qua những

phương thức, phương tiện trình bày nghệ thuật; rèn cho SV kĩ năng tiếp cận văn học từ lập trường của nghệ thuật.

#### **9.47. Chọn 1 trong 2 học phần**

##### **a) Thi pháp thơ Đường /Poetics of Duong Poem**

**2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Trung Quốc

Trình bày nguyên nhân hưng thịnh và những tiền đề của thi pháp thơ Đường; những đặc điểm thi pháp cơ bản của thơ Đường: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại và ngôn ngữ thơ; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu thảo luận đề lý giải một số biểu hiện cụ thể về thi pháp của thơ Đường.

##### **b) Thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc/Poetics of Chinese Classical Novel**

**2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Trung Quốc

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề thi pháp của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc: đặc điểm loại hình, đặc điểm nhân vật, đặc điểm thời gian - không gian, đặc điểm kết cấu; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận để lý giải một số biểu hiện cụ thể về thi pháp của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc trong những bộ tiểu thuyết tiêu biểu.

#### **9.48. Chọn 1 trong 2 học phần**

##### **a) Làm văn/Composition**

**2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp những tri thức khái quát về khái niệm, phân loại các kiểu văn bản; mô tả đặc trưng, nội dung của sáu kiểu văn bản được dạy học ở nhà trường phổ thông bao gồm văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh và hành chính công vụ, rèn cho SV kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản nêu trên.

##### **b) Lý thuyết văn bản / Text Theory**

**2tc ( 18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết :* Ngữ dụng học

Cung cấp những tri thức căn bản về ngôn ngữ học và văn bản như : giao tiếp và văn bản, đoạn văn và phát ngôn, hệ thống liên kết văn bản; rèn luyện cho sinh viên các phương pháp, thao tác vận dụng lý thuyết vào thực tiễn phân tích và tạo lập văn bản, vận dụng vào ngữ dụng học, phong cách học.

#### **9.49. Kiến tập sư phạm/Teaching Practice Observation**

**2 TC (0,0,60)**

SV thực hành làm quen với nghiệp vụ giáo dục và dạy học bộ môn ở trường THPT và THCS (soạn giáo án, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, công tác chủ nhiệm và tập giảng 1-2 tiết)

#### **9.50. Thực tập sư phạm/Graduate Practice**

**5 TC (0,0,150)**

SV thực hành tại trường phổ thông trung học về hoạt động dạy, học của trường, phong trào giáo dục của địa phương; thực hành dạy học Ngữ văn và làm các công tác giáo dục khác ở trường THPT và THCS (soạn giáo án, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, công tác chủ nhiệm và giảng đánh giá 8 tiết).

#### **9.51. Khoá luận tốt nghiệp/Thesis**

**6 TC (0,0,180)**



Hoặc chọn 3 trong 6 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

**a) Nho giáo và văn học dân tộc/Confucianism and Vietnamese Literature**

**2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN trung đại

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về sự phát triển của hệ tư tưởng nho giáo; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng nho giáo trong tư tưởng và đời sống xã hội Việt Nam; sự ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo trong văn học Việt Nam trên phương diện : thể giới quan nhà văn, quan niệm về thẩm mỹ, tư duy nghệ thuật, thể tài...

**b) Truyện ngắn Việt Nam hiện đại/Vietnamese Modern Stories 2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học VN hiện đại

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động và quy luật phát triển của truyện ngắn Việt Nam từ 1945 đến 1975 qua các chặng 1945 - 1954; 1955 - 1964; 1965 - 1975: đặc điểm truyện ngắn Việt nam giai đoạn 1945 - 1954; đặc điểm truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964; đặc điểm truyện ngắn Việt nam giai đoạn 1965 - 1975.

**c) Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Phương Tây thời Phục hưng /Humanism in Western Renaissance Literature 2 TC (18, 24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Phương Tây

Giới thiệu khái niệm chủ nghĩa nhân văn; trình bày quá trình phát triển của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Phương Tây qua các giai đoạn khác nhau: thời cổ đại Hy Lạp với những giá trị văn hoá tinh thần một đi không trở lại của nhân loại, đến thời Phục hưng với việc đề cao lý trí, đề cao tự nhiên và đề cao con người, ngoài những đóng góp nhất định đã rơi vào chủ nghĩa không tưởng, từ thế kỷ XVIII trở đi đã từng bước gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng con người về mọi phương diện.

**d) Ngôn ngữ địa phương/Local Language 2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Dẫn luận ngôn ngữ học

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phương ngữ học nói chung (khái niệm phương ngữ, phân biệt phương ngữ với thổ ngữ, ngôn ngữ, sự hình thành các phương ngữ trong lịch sử, phân vùng phương ngữ, đặc điểm của phương ngữ, vai trò lịch sử xã hội của phương ngữ...); giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản về tiếng địa phương Thanh Hóa (vị trí của tiếng địa phương Thanh Hoá, đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng địa phương Thanh Hoá); rèn cho sinh viên các phương pháp, kỹ năng nghiên cứu ngôn ngữ địa phương.

**e) Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông/Instructing group discussions for middle and high school students in teaching Philology 2 TC (18,24, 0)**

*Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp dạy học Ngữ văn

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về vai trò, đặc điểm, yêu cầu, các nguyên tắc, biện pháp cách thức xây dựng câu hỏi bài tập và cách thức tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; rèn luyện cho SV kỹ năng thiết kế các câu hỏi, bài tập tình huống, có tính vấn đề để tổ chức cho HS thảo luận nhóm trong quá trình dạy học Ngữ văn.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông/The Application of the Information Technology in teaching Philology middle and high schools  
2 TC (18,24,0)

*Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp dạy học Ngữ văn

Môn học nghiên cứu vai trò, tác dụng của công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn, nghiên cứu những khả năng, điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn; nghiên cứu nội dung, nguyên tắc, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học từng phân môn Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn ở nhà trường phổ thông nhằm góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả dạy học, đáp ứng yêu cầu khách quan trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

**10. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình**

STT	Tên học phần	Bộ môn giảng dạy
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Nguyên lý
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng và pháp luật
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản VN	Đường lối
5	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
6	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
7	Giáo dục thể chất	GDTC
8	Giáo dục QP	TTGDQP
9	Tin học	Tin học Ứng dụng
10	Phương pháp nghiên cứu KH	NN&PPDHNV
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LLVH& VHNN
12	Tâm lí học	BM Tâm lí
13	Giáo dục học	BM Giáo dục
14	Lôgic học đại cương	Tư tưởng và pháp luật
15	Thực hành văn bản tiếng Việt	NN& PPDHNV
16	Quản lí Nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo	NN& PPDHNV
17	Dẫn luận ngôn ngữ học	NN&PPDHNV
18	Âm nhạc đại cương	Âm nhạc
19	Thương thức mỹ thuật	Mĩ thuật
20	Kĩ năng giao tiếp	NN& PPDHNV
21	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LLVH& VHNN
22	Ngôn ngữ và văn hoá	NN& PPDHNV
23	Văn học và mỹ học	LLVH& VHNN
24	Lịch sử tư tưởng phương Đông, Việt Nam và văn học	LLVH& VHNN
25	Tổng quan di sản văn hoá thế giới	VHVN
26	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	LLVH& VHNN
27	Thống kê xã hội học	XHH
28	Môi trường và con người	Địa lý
29	Nguyên lý lý luận văn học.	LLVH&VHNN
30	Tác phẩm văn học và Loại thể văn học	LLVH &VHNN
31	Văn học dân gian Việt Nam	VHVN
32	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	VHVN
33	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	VHVN



34	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	VHVN
35	Văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX	VHVN
36	Văn học Trung Quốc	LLVH & VHNN
37	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á	LLVH & VHNN
38	Văn học phương Tây từ cổ đại đến thế kỉ XVII	LLVH & VHNN
39	Văn học phương Tây từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XX	LLVH & VHNN
40	Văn học Nga	LLVH & VHNN
41	Ngữ âm học tiếng Việt	NN&PPDHNV
42	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	NN&PPDHNV
43	Ngữ pháp học tiếng Việt	NN&PPDHNV
44	Phong cách học tiếng Việt	NN&PPDHNV
45	Ngữ dụng học	NN&PPDHNV
46	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	NN&PPDHNV
47	Văn bản Hán văn cổ Trung Quốc	VHVN
48	Văn bản Hán văn Việt Nam	VHVN
49	Phương pháp dạy học Văn 1	NN&PPDHNV
50	Phương pháp dạy học Văn 2	NN&PPDHNV
51	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	NN&PPDHNV
52	Phương pháp dạy học Làm văn	NN&PPDHNV
53	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	VHVN
54	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	VHVN
55	Tiến trình văn học	LLVH & VHNN
56	Thi pháp học hiện đại	LLVH & VHNN
57	Thi pháp thơ Đường	LLVH & VHNN
58	Thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa	LLVH & VHNN
59	Làm văn	NN&PPDHNV
60	Lí thuyết văn bản	NN&PPDHNV
61	Kiến tập sư phạm	
62	Thực tập sư phạm	
63	Khóa luận TN/Thi cuối khoá	
64	Nho giáo và văn học dân tộc	VHVN
65	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	VHVN
66	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây thời Phục Hưng	LLVH & VHNN
67	Ngôn ngữ địa phương	NN&PPDHNV
68	Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông	NN&PPDHNV
69	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông	NN&PPDHNV

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập.

### 11.1. Cơ sở vật chất thiết bị phục vụ dạy học

- Phòng học đa năng: Cần trang bị một phòng học đa năng để có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng có cài đặt các phần mềm ứng dụng vào thiết kế bài dạy Ngữ văn, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

- Phòng thực hành: Có ít nhất 1 phòng thực hành trên 50m<sup>2</sup> với các thiết bị: 40 máy vi tính nối mạng để SV thực hành.

- Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

## 11.2. Danh mục tài liệu, giáo trình cơ bản thực hiện chương trình

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo chính
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1. Phạm Việt Vương, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB ĐHQG, H., 2006. 2. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB KH & KT, H., 2006
2	Thống kê xã hội học	1. Hà Văn Sơn, <i>giáo trình Lý thuyết thống kê</i> , NXB Thống kê, 2004.
3	Văn học và mỹ học	1. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân, <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB Giáo dục, H., 1999. 2. Đỗ Văn Khang, Đỗ Huy, <i>Mỹ học Mác Lê- Nin</i> , NXB ĐH & THCN, 1985. 3. Phương Lưu (chủ biên), <i>Lý luận văn học</i> , tập 1, NXB Giáo dục, H., 2002.
4	Ngôn ngữ và văn hoá	1. Trần Chí Dỗi, <i>Giáo trình lịch sử tiếng Việt</i> (sơ thảo), Nxb ĐH Quốc 2. Trần Chí Dỗi, <i>Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội</i> , Nxb Văn hoá thông tin, HN, 2001
5	Kỹ năng giao tiếp	1. Nguyễn Văn Lê, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , NXB GD, H., 2004 2. Nguyễn Sinh Huy, <i>Nhập môn khoa học giao tiếp</i> , NXB GD, H., 2005
6	Lịch sử tư tưởng Phương Đông, Việt Nam và văn học	1. Nguyễn Tài Thư ( chủ biên), <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , tập 1, NXB KHXH, H., 1993 2. Nguyễn Gia Phú, <i>Lịch sử tư tưởng Phương Đông &amp; VN</i> , ĐH Tổng hợp TP HCM, 1996 3. Đàm Gia Kiệt, <i>Lịch sử văn hoá Trung Quốc</i> , NXB KHXH, H., 1993 4. <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , 2 tập, Trung tâm KHXH & NV Quốc gia, NXB CTQG, H., 2002.
7	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	1. Nguyễn Đăng Duy, <i>Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam</i> , Nxb Văn hoá thông tin, HN, 2001 2. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên), <i>Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam</i> , Nxb KHXH, HN, 1998
8	Logic học đại cương	1. Vương Tất Đạt, <i>Logic học đại cương</i> , NXB ĐHQG, 2007. 2. Nguyễn Như Hải, <i>giáo trình Logic học đại cương</i> , NXB Giáo dục học, 2007.
9	Cơ sở văn hoá Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, H., 1999 2. Trần Quốc Vương, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, H., 1999
10	Văn bản Hán văn Trung Quốc và Việt Nam	1. Đặng Đức Siêu, <i>Ngữ văn Hán Nôm</i> , NXB Giáo dục, H., 1995. 2. Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San, <i>ngữ văn Hán Nôm</i> , NXB Giáo dục, H., 1995 3. Nguyễn Tài Cẩn, <i>Một số vấn đề về chữ Nôm</i> , NXB ĐH & THCN, 1985 4. Đặng Đức Siêu, <i>Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm</i> , NXB Giáo dục, 1998
11	Thực hành văn bản Tiếng Việt	1. Lê A, Bùi Minh Toán, Nguyễn Việt Hùng, <i>Tiếng Việt thực hành</i> , NXB Giáo dục, H., 1996 2. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp văn bản</i> , NXB Giáo dục.



22	Văn học Phương Tây	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhiều tác giả, <i>Văn học phương Tây</i> (toàn tập), NXBGD, H.2002</li> <li>2. Phùng Văn Tửu – Lê Hồng Sâm (Chủ biên), <i>Lịch sử văn học Pháp thế kỉ XVIII-XIX</i> (tậpII), NXBĐHQG, H.2005</li> <li>3. Phùng Văn Tửu, <i>Giáo trình Văn học Âu Mỹ</i>, NXBGD, H.2005</li> <li>4. Phùng Văn Tửu, <i>Giáo trình Văn học Phương Tây</i>, NXB Giáo dục, H., 1997.</li> <li>5. Nhiều tác giả, <i>Lịch sử Văn học Pháp</i>, 3 tập, NXB Đại học Quốc gia, H., 2005.</li> </ol>
23	Văn học Nga	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Trường Lịch, <i>Lịch sử văn học Nga</i>, tập 1, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1992</li> <li>2. Nguyễn Trường Lịch, Nguyễn Kim Đính, Đỗ Hồng Chung, <i>Lịch sử văn học Nga</i>, tập 2, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1990.</li> <li>3. Nguyễn Kim Đính, Hoàng Ngọc Hiến, Huy Liên, <i>Lịch sử văn học Xô Viết</i>, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., tập 1, 1992, tập 2, 1995.</li> </ol>
24	Dẫn luận ngôn ngữ học	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, tập 1, 2, NXB Giáo dục, H., 2001.</li> <li>2. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghệ, Hoàng Trọng Phiến, <i>Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng việt</i>, NXB GD, H., 1997.</li> <li>3. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i>, NXB Giáo dục, H., 1994.</li> <li>4. F.desaussureu, <i>Giáo trình ngôn ngữ đại cương</i>, NXB KHXH, H., 1973</li> <li>5. Ju.X.tepanov, <i>những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương</i>, NXB ĐH &amp; THCN, H., 1997</li> <li>6. Ju.V.Rozdextvenxki, <i>Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương</i>, NXB Giáo dục, H., 1997</li> </ol>
25	Ngữ âm học tiếng việt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đoàn Thiện Thuật, <i>Ngữ Âm học tiếng việt</i>, NXB ĐHQG, H., 1998.</li> <li>2. Bùi Minh Toán, Đặng Thị Lanh, <i>Tiếng việt đại cương - Ngữ âm</i> (Giáo trình CDSP), NXB ĐHSP Hà Nội, 2001</li> </ol>
26	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đỗ Hữu Châu, <i>Từ vựng ngữ nghĩa tiếng việt</i>, NXB Giáo dục, H., 1981</li> <li>2. Đỗ Hữu Châu, <i>Các bình diện từ và từ Tiếng Việt</i>, NXB KHXH, H., 1981.</li> <li>3. Nguyễn Văn Tu, <i>Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại</i>, NXB Giáo dục, H., 1976</li> <li>4. Johnlyons, <i>Nhập môn ngôn ngữ học lý thuyết</i>, NXB KHXH, H., 1996</li> <li>5. Đỗ Hữu Châu, <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i>, NXB ĐH &amp; THCN, H., 1988</li> </ol>
27	Ngữ pháp học tiếng Việt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Diệp Quang Ban, <i>ngữ pháp học Tiếng Việt</i>, tập 1, 2, NXB Giáo dục, H., 2004</li> <li>2. Nguyễn Tài Cẩn, <i>ngữ pháp học Tiếng Việt : Tiếng - từ - đoàn ngữ</i>, NXB ĐH &amp; THCN, H., 1975</li> <li>3. Đinh Văn Đức, <i>Ngữ pháp tiếng việt : từ loại</i>, NXB ĐH 7 THCN, H., 1986</li> <li>4. Hoàng Trọng Phiến, <i>Ngữ pháp tiếng việt : câu</i>, NXB</li> </ol>

		Dh & THCN, H., 1980.
28	Phong cách học Tiếng Việt	1. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà, <i>Phong cách học tiếng việt</i> , NXB Giáo dục, H., 1998 2. Nguyễn Thái Hoà, <i>Phân loại từ ngữ theo quan điểm phong cách chức năng</i> , NXB KHXH, H., 1998
29	Ngữ dụng học	1. Nguyễn Đức Dân, <i>ngữ dụng học</i> , NXB Giáo dục, H., 2001 2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> , tập 2, NXB Giáo dục, H., 2001.
30	Phương pháp dạy học Văn	1. Phan Trọng Luận: <i>Tuyển tập</i> , NXB Giáo dục H.2005 2. Nguyễn Thanh Hùng: <i>Phương pháp dạy học Ngữ văn ở THCS</i> , NXB Giáo dục 2007 3. Phan Trọng Luận: <i>Văn học - bạn đọc - sáng tạo</i> , NXB ĐHQG Hà Nội 2003
31	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	1. Lê A: <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục 1997 2. <i>Phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ</i> , tài liệu dịch 2 tập, NXB Giáo dục H.1989. 3. Cao Đức Tiến, Nguyễn Quang Ninh: <i>Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ</i> , NXB Giáo dục H.1993
32	Phương pháp dạy học Làm văn	1. Lê A: <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục 1997 2. Moskalskaia: <i>Ngữ pháp văn bản</i> , (dịch), NXB giáo dục H.1996 3. Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh: <i>Ngữ pháp văn bản</i> , (dịch), NXB giáo dục H.1985
33	Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam	1. Trần Trí Dõi, <i>Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i> , NXB ĐHQG, H., 2001.
34	Thi pháp học	1. Trần Đình Sử: <i>Một số vấn đề thi pháp học hiện đại</i> , Bộ GD&ĐT, Vụ giáo viên 1993 2. M.Bakhtin: <i>Những vấn đề thi pháp Xôxtôiepki</i> , NXB Giáo dục H.1993 3. Trần Đình Sử: <i>Thi pháp thơ Tố Hữu</i> , NXB Giáo dục H.1995
35	Làm văn	1. Trần Ngọc Thêm, <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng việt</i> , NXB Giáo dục, H., 2000 2. Diệp Quang Ban, <i>Văn bản và liên kết trong tiếng việt</i> , NXB Giáo dục, H., 1999 3. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp văn bản</i> , NXB Giáo dục, H., 1996.
36	Thi pháp thơ Đường	1. Nguyễn Thị Bích Hải, <i>Thi pháp thơ Đường</i> , NXB Thuận Huế, 1997 2. Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử, <i>Về thi pháp thơ Đường</i> , NXB Đà Nẵng, 1997.
37	Nho giáo và văn học dân tộc	1. Trần Đình Hượu, <i>Nho giáo và văn học Việt nam trung cận đại</i> , NXB Giáo dục, H., 2000 2. Lê Trí Viễn, <i>Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại</i> , NXB KHXH, H., 1996
38	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại	1. Phan Cự Đệ (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX</i> , NXB Giáo dục, H., 2004 2. Bùi Việt Thắng, <i>Truyện ngắn, những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại</i> , NXB Hội nhà văn, 2006 3. Hoà Diệu Thuý, <i>Truyện ngắn Việt Nam hiện đại giai</i>



## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành đại học Sư phạm Ngữ văn được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ đại học, ngành Sư phạm Ngữ văn (Philology Teacher Education) của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 28/2006/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế học phần sang học chế tín chỉ của Trường Đại học Hồng Đức và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường đại học trong và ngoài nước.

Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn phải nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ vào chương trình, Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần tiến hành xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và toàn khoá đào tạo.

Trường khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý, hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng. / *lưu*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Văn Trường**